

Bản án số: 72/2024/LĐ-ST
Ngày 21 - 6 - 2024
V/v “Vô hiệu HĐLĐ & hủy sổ BHXH”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Chí Lin.
- Bà Nguyễn Thị Rạt.

Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Lệ Quân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Tư - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 19/2024/TLST - LĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc “*Tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST - LĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 27/2024/QĐST-LĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp Giồng Ng, xã H, huyện Đ, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Nhật Thanh, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp Chánh, xã Đức Lập Thượng, huyện Đ, tỉnh L (Theo giấy ủy quyền ngày 22/02/2024 tại Ủy ban nhân dân xã Đức Lập Thượng).

Bị đơn: Công ty TNHH K.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ Hạ, huyện Đ, tỉnh L.

Người đại diện theo pháp luật: Ông (Bà) KIM JU HUYN, Chức vụ: Giám đốc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp Giồng Ng, xã H, huyện Đ, tỉnh L.

2/ Bảo hiểm xã hội tỉnh L.

Địa chỉ: Số 08 tuyến tránh, quốc lộ 1, phường 4, thành phố T, tỉnh L.

(Các đương sự đều xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 02 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Từ tháng 03/2006 đến tháng 03/2007, bà vào làm công nhân tại công ty TNHH Y, địa chỉ tại 962A, tỉnh lộ 10, phường T, quận B, TP. H. Khi làm việc tại công ty TNHH Y, bà có tham gia bảo hiểm với số bảo hiểm 0206118879.

Từ tháng 08/2011 đến tháng 03/2012, bà làm công nhân tại Công Ty TNHH S.H V, địa chỉ tại ấp Nh, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L. Sau đó, bà tiếp tục xin vào làm công nhân tại Công Ty TNHH Sh địa chỉ tại ấp Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L. Khi làm việc tại Công Ty TNHH S.H V và Công Ty TNHH Sh bà có tham gia bảo hiểm xã hội số 8012023326.

Do bản thân không am hiểu về pháp luật và muốn giúp đỡ bà Nguyễn Thị G (do bà G mất giấy tờ tùy thân) có thể đi làm tạo thu nhập lo cho gia đình nên bà cho bà G mượn giấy CMND để bà G đi làm tại công ty TNHH K tại ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L trong khoảng thời gian từ tháng 04/2004 đến tháng 04/2009. Khi bà G mang tên bà là Nguyễn Thị D làm việc tại công ty TNHH K thì bà G cũng tham gia bảo hiểm với số sổ bảo hiểm mang tên bà Nguyễn Thị D là 4804017369.

Việc bà cho bà G mượn CMND là không đúng quy định pháp luật và người thực hiện hợp đồng lao động với công ty TNHH K không phải do bản thân bà thực hiện. Hiện nay, tồn tại hai số sổ bảo hiểm là 0206118879 và 4804017369 cùng mang tên Nguyễn Thị D nên bà D không thể thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm được.

Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Vô hiệu hợp đồng lao động được kí kết giữa bà Nguyễn Thị D (do bà Nguyễn Thị G làm việc) với công ty TNHH K từ tháng 04/2004 đến tháng 04/2009.

2/ Điều chỉnh lại tên Nguyễn Thị D trên sổ bảo hiểm số 4804017369 thành tên Nguyễn Thị G.

Bị đơn Công ty TNHH K có văn bản trình bày:

Công ty đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D, cụ thể là đồng ý vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị D với Công ty TNHH K từ tháng 04/2004 đến tháng 04/2009. Đồng thời, phía Công ty không yêu cầu Cơ quan bảo hiểm xã hội hoàn trả lại tiền bảo hiểm mà Công ty đã đóng cho bà D.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị G có văn bản trình bày: Từ tháng 04/2004 đến tháng 04/2009, bà có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị D để đi làm tại Công ty TNHH K và có tham gia bảo hiểm xã hội vào sổ số 4804017369. Nay bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời bà không có yêu cầu về số tiền bảo hiểm đã đóng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L trình bày: Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách BHXH, bảo hiểm y tế, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty TNHH K có tham gia bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị D trong tháng 04/2004 đến tháng 04/2009 với sổ số bảo hiểm 4804017369 .

Đối với trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để đi làm việc và tham gia BHXH là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo qui định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động và nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên trường hợp này hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Toà án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D về việc vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị D (do bà Nguyễn Thị G thực hiện) với Công ty TNHH K từ tháng 04/2004 đến tháng 04/2009; Điều chỉnh lại tên Nguyễn Thị D trên sổ bảo hiểm số 4804017369 thành tên Nguyễn Thị G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và Hủy sổ bảo hiểm xã hội*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự. Công ty TNHH K có trụ sở tại ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Nguyễn Thị D là người khởi kiện, được xác định là nguyên đơn, Công ty TNHH K là người bị kiện, được xác định tư cách là bị đơn. Bà Nguyễn Thị G và BHXH tỉnh L được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Nguyễn Thị D khởi kiện Công ty TNHH K vì cho rằng quyền lợi bị xâm phạm do hợp đồng giả tạo là còn trong thời hiệu khởi kiện; Bà Nguyễn Thị D có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Chứng cứ bà Nguyễn Thị D có nộp sổ BHXH số 0206118879 và 4804017369; Sổ bảo hiểm xã hội.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Thời điểm phát sinh tranh chấp Bộ luật lao động 2019 và Bộ luật tố tụng 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về việc công khai chứng cứ, hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án xét xử trong phạm vi đương sự có yêu cầu. Các đương sự thừa nhận đã tiếp cận đầy đủ chứng cứ của nhau.

[2]. Về nội dung:

Xét thấy, bà Nguyễn Thị D có cho bà Nguyễn Thị G mượn chứng minh thư mang tên Nguyễn Thị D để xác lập hợp đồng lao động và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 04/2004 đến tháng 04/2009 tại Công ty TNHH K. Trong khi đó, bà Nguyễn Thị D cũng tham gia lao động tại công ty TNHH Y từ tháng 03/2006 đến tháng 03/2007 theo sổ sổ bảo hiểm xã hội là 0206118879, bà D tham gia lao động tại Công ty TNHH S.H V từ tháng 08/2011 đến tháng 03/2012 và công ty TNHH Shtheo sổ sổ bảo hiểm xã hội là 8012023326. Nay bà Nguyễn Thị D không được hưởng tiền bảo hiểm của chính mình là sổ BHXH số 0206118879 nên có yêu cầu Tòa án vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị D (do bà Nguyễn Thị G) tại từ tháng 04/2004 đến tháng 04/2009 là có căn cứ. Bởi vì đối tượng lao động thực sự lao động trong giai đoạn này tại Công ty TNHH K là bà Nguyễn Thị G không phải là bà Nguyễn Thị D.

Việc bà D cho bà G mượn giấy chứng minh nhân dân để đi làm tại Công ty TNHH K là vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện BHXH, BHTN theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 do đó Sổ BHXH số

4804017369 cần điều chỉnh từ tên Nguyễn Thị D thành tên Nguyễn Thị G là phù hợp thực tế.

Bà Nguyễn Thị G, Công ty TNHH K không có tranh chấp gì trong vụ án này nên không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị D tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm thay cho Công ty TNHH K nên Công ty TNHH K không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68 Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 13, Điều 18, Điều 21 và Điều 49 Bộ luật lao động; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và hủy sổ bảo hiểm xã hội*” với Công ty TNHH K.

1.1. Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị D với Công ty TNHH K từ tháng 04/2004 đến tháng 04/2009;

1.2. Điều chỉnh tên Nguyễn Thị D trên sổ bảo hiểm số 4804017369 thành tên Nguyễn Thị G.

1.3 Bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị G được quyền liên hệ cơ quan BHXH tỉnh L để điều chỉnh thay đổi tên từ Nguyễn Thị D trên sổ BHXH số 4804017369 thành tên Nguyễn Thị G.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D tự nguyện nộp 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

3. Án xét xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để xin xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THA huyện Đức Hòa;
- Lưu.

Nguyễn Thị Kim Cương

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Kim Tiến – Nguyễn Thị Rạt

Nguyễn Thị Mộng Thúy

